

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương M.T.C, sinh năm: 1971;
- Bà Trần T.N.O, sinh năm: 1973.

Cùng địa chỉ: Căn hộ số A đường D, Dự án khu dân cư và Công viên Phước Thiện, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận Bình Thạnh (nay là phường Gia Định), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01, ngày 13/5/1997. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O là hợp pháp.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2024 thì phát sinh mâu

thuần trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O đã sống ly thân từ khoảng tháng 8/2025 cho đến nay nhưng không hàn gắn được. Xét thấy cuộc sống chung giữa ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O có 02 con chung tên Trương M.T, sinh năm 1999 và Trương M.T1, sinh năm 2006. Các con chung đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O khai không có.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để có cơ sở giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyền số 01, ngày 13/5/1997 do Ủy ban nhân dân Phường 1, quận Bình Thạnh (nay là phường Gia Định), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương M.T, sinh năm 1999 và Trương M.T1, sinh năm 2006. Các con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: Mỗi người phải nộp 150.000 đồng và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010484, ký hiệu: BLTU/25E ngày 21/8/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương M.T.C và bà Trần T.N.O đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 2;
- Phòng THADS KV2;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vi Na